

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025
(Hình thức đào tạo: Chính quy)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: Học viện Tòa án
2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: HTA
3. Địa chỉ trụ sở: Đường 282, xã Phú Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <http://hvta.toaan.gov.vn>
5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02432.693.666
6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án, quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi): <http://hvta.toaan.gov.vn>
7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo (chương trình đào tạo; ngành đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành ...): <http://hvta.toaan.gov.vn>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. TUYỂN SINH CHÍNH QUY ĐẠI HỌC

1.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

Thí sinh đăng ký xét tuyển vào Học viện Tòa án phải đáp ứng các điều kiện chung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học và đáp ứng các điều kiện sau:

- Điều kiện sơ tuyển: Đã tham gia sơ tuyển tại Tòa án nhân dân nơi thí sinh có hộ khẩu thường trú, tạm trú hoặc sơ tuyển tại Học viện Tòa án và có kết quả “Đạt sơ tuyển”.

- Về kết quả học tập (chỉ áp dụng đối với thí sinh đăng ký xét tuyển dựa trên kết quả học tập): Học viện Tòa án chỉ xét tuyển đối với những thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025 và xét tuyển theo kết quả học tập từ cao xuống thấp đối với những thí sinh đáp ứng các điều kiện sau:

(1) Có tổng điểm trung bình cộng ba năm (lớp 10, lớp 11 và lớp 12) của 03 môn thuộc một trong những tổ hợp các môn dùng để xét tuyển (A00, A01, C00, D01) đạt từ 22.0 điểm trở lên;

(2) Có điểm trung bình chung của năm học lớp 11 và lớp 12 đều đạt 8.0

trở lên và xếp loại hạnh kiểm của các năm học lớp 10, 11 và 12 đều đạt loại hạnh kiểm tốt.

1.2. Mô tả phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển...)

Học viện Tòa án tổ chức tuyển sinh theo phương thức xét tuyển, các phương thức xét tuyển gồm:

- Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025;
- Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT (chỉ xét tuyển đối với những thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025);
- Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8).

1.3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

Học viện Tòa án sẽ công bố quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh muộn nhất cùng thời gian công bố ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào theo hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1	HTA	Chương trình đào tạo đại trà, Ngành: Luật, nhóm ngành III	7380101, nhóm ngành III	Ngành Luật, nhóm ngành III	360	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (Tổ hợp: A00, A01, C00, D01)	
						Xét kết quả học tập bậc THPT (Tổ hợp: A00, A01, C00, D01)	
						Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	

1.5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

a. Các tiêu chí phụ sử dụng trong xét tuyển

Tiêu chí phụ trong xét tuyển theo phương thức xét kết quả học tập bậc THPT (xét học bạ) và phương thức xét điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025:

Những thí sinh ở cuối danh sách có điểm bằng với điểm trúng tuyển nhưng nếu xét hết số thí sinh này thì sẽ vượt chỉ tiêu tuyển sinh, khi đó việc xét tuyển phải sử dụng đến tiêu chí phụ và lần lượt được ưu tiên xét theo thứ tự sau:

Ưu tiên 1: thí sinh có tổng điểm theo tổ hợp đăng ký xét tuyển cao hơn, không tính đến điểm ưu tiên (áp dụng đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT và phương thức xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025);

Ưu tiên 2: thí sinh có điểm thi môn chính của từng tổ hợp xét tuyển cao hơn: môn Toán (A00, A01), Văn (C00, D01).

b. Điểm cộng

Điểm cộng ưu tiên theo khu vực; Điểm cộng ưu tiên theo đối tượng chính sách thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (CSĐT tuyển sinh theo nhóm ngành)

Học viện Tòa án chỉ tuyển sinh duy nhất một ngành, là ngành Luật (không tuyển sinh theo nhóm ngành).

d. Các thông tin khác

- Mã trường: HTA
- Mã ngành: 7380101
- Nhóm ngành xét tuyển: 73801
- Mã phương thức xét tuyển:
 - + 100: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT;
 - + 200: Xét kết quả học tập cấp THPT (Học bạ);
 - + 301: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8).
- Tổ hợp xét tuyển:
 - + Tổ hợp A00: Toán, Vật lý, Hóa học;
 - + Tổ hợp A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh;
 - + Tổ hợp C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý;
 - + Tổ hợp D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.

- Học phí dự kiến với sinh viên chính quy: Học viện Tòa án thu học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách

miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Mức học phí đối với 01 sinh viên/ 01 năm học trong 03 năm học gần nhất của Học viện Tòa án như sau:

+ Năm học 2022-2023 là: 9.800.000 đồng/ 01 sinh viên/ 01 năm học.

+ Năm học 2023-2024 là: 12.500.000 đồng/ 01 sinh viên/ 01 năm học.

+ Năm học 2024-2025 là: 14.100.000 đồng/ 01 sinh viên/ 01 năm học.

1.6. Tổ chức tuyển sinh

Công tác tuyển sinh đại học vào Học viện Tòa án được thực hiện theo trình tự sau:

1.6.1. Công tác sơ tuyển

- Thực hiện theo thông báo sơ tuyển của Giám đốc Học viện Tòa án.

- *Nội dung sơ tuyển:*

+ Kiểm tra hồ sơ đăng ký sơ tuyển và bản thân thí sinh theo quy định về sơ tuyển của Học viện Tòa án.

+ Phiếu sơ tuyển được lập thành 2 bản (có chữ ký của Trưởng Ban sơ tuyển và đóng dấu của Tòa án nhân dân tỉnh đã sơ tuyển): 1 bản cấp cho thí sinh để nộp về Học viện theo Thông báo, 1 bản lưu tại Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã sơ tuyển.

- Các mẫu Đơn đăng ký sơ tuyển, Lý lịch tự khai, Phiếu sơ tuyển được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Học viện Tòa án: <http://hvta.toaan.gov.vn>.

- Căn cứ tình hình thực tế sau khi kết thúc việc sơ tuyển, Học viện Tòa án có thể xem xét quyết định tổ chức sơ tuyển bổ sung (nếu cần thiết).

1.6.2. Đăng ký xét tuyển

Cùng với việc sơ tuyển theo quy định của Học viện Tòa án, thí sinh muốn được xét tuyển vào Học viện Tòa án phải thực hiện việc đăng ký xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Học viện Tòa án, cụ thể:

Thí sinh đăng ký xét tuyển vào Học viện Tòa án như sau:

a. Theo phương thức xét điểm thi tốt nghiệp THPT

- Thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào Học viện Tòa án trên hệ thống tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT.

b. Theo phương thức xét học bạ

- Thí sinh phải nộp hồ sơ xét tuyển học bạ về Học viện Tòa án theo thông báo của Học viện Tòa án và đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào Học viện Tòa án trên hệ thống tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Học viện Tòa án sẽ căn cứ vào kết quả học tập trên học bạ của thí sinh để tiến hành xét tuyển (mỗi thí sinh sẽ được xét tuyển tối đa 04 tổ hợp).

- Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển theo phương thức xét học bạ theo thông báo của Học viện Tòa án.

c. Đăng ký theo cả 02 phương thức: xét điểm thi tốt nghiệp THPT và xét học bạ

Đối với thí sinh đăng ký cả 02 phương thức xét tuyển (xét điểm thi tốt nghiệp THPT và xét học bạ) thì thực hiện đầy đủ theo phương thức xét điểm thi tốt nghiệp THPT và phương thức xét học bạ (mục a và b).

Lưu ý: Thí sinh phải đạt sơ tuyển, thỏa mãn ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào theo từng phương thức, có đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào Học viện Tòa án trên hệ thống tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nộp hồ sơ xét tuyển về Học viện Tòa án (đối với phương thức xét học bạ) và nộp đầy đủ lệ phí xét tuyển theo quy định mới đủ điều kiện xét tuyển.

d. Đăng ký xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

Nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển về Học viện Tòa án theo quy định của Học viện Tòa án và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

e. Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT trước năm 2025

Đối với những thí sinh tốt nghiệp THPT trước năm 2025: nộp hồ sơ đăng ký thi tốt nghiệp THPT và đăng ký xét tuyển vào Học viện Tòa án theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; quy định của Học viện Tòa án.

1.6.3. Tổ chức xét tuyển

a. Điều kiện được xét tuyển

Thí sinh đạt sơ tuyển vào Học viện Tòa án, đã tốt nghiệp bậc THPT, có đăng ký xét tuyển và đáp ứng các điều kiện được xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định về tuyển sinh của Học viện Tòa án năm 2025.

b. Thời gian xét tuyển

Thời gian xét tuyển vào đại học ngành luật hệ chính quy của Học viện Tòa án được thực hiện phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.7. Chính sách ưu tiên

1.7.1. Chỉ tiêu xét tuyển thẳng

Dự kiến chỉ tiêu xét tuyển theo phương thức xét tuyển thẳng theo quy

định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8): 20 chỉ tiêu.

1.7.2. Quy định về xét tuyển thẳng

- Xét tuyển thẳng đối với thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia như sau:

+ Đối tượng xét tuyển thẳng: xét tuyển thẳng thí sinh thuộc diện có thành tích đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia với các môn sau Văn, Toán, Tiếng Anh, Vật lí, Hóa học, Lịch sử, Địa lí và có đăng ký xét tuyển thẳng vào Học viện Tòa án.

+ Điều kiện xét tuyển: Các điều kiện thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định về tuyển sinh đại học năm 2025 của Học viện Tòa án. Thí sinh xét tuyển thẳng phải đạt sơ tuyển theo quy định.

+ Hồ sơ đăng ký xét tuyển: Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; quy định của Học viện Tòa án;

- Xét tuyển đối với thí sinh thuộc các huyện nghèo và dân tộc ít người như sau:

+ Đối tượng:

Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;

Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

Nếu số thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng trong trường hợp này lớn hơn chỉ tiêu thì việc xét tuyển sẽ được ưu tiên theo kết quả học tập trung bình chung của 3 năm học Trung học phổ thông.

+ Điều kiện xét tuyển: Thí sinh có kết quả học tập các năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 phải đạt từ loại khá trở lên. Các điều kiện khác được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định về tuyển sinh đại học năm 2025 của Học viện Tòa án. Thí sinh xét tuyển thẳng phải đạt sơ tuyển theo quy định.

+ Hồ sơ đăng ký xét tuyển: Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; quy định của Học viện Tòa án.

1.7.3. Quy định về ưu tiên xét tuyển

Thí sinh tham gia các cuộc thi trong thời gian học ở cấp THPT được ưu tiên cộng điểm để xét tuyển vào Học viện Tòa án như sau:

Các thí sinh đoạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia nhưng không dùng quyền xét tuyển thẳng thì được xét ưu tiên cộng điểm vào phương thức xét điểm thi, xét

học bạ như sau: Giải nhất: cộng 2.0 điểm, giải nhì: cộng 1.5 điểm, giải ba: cộng 1.0 điểm, giải khuyến khích: cộng 0.5 điểm.

1.7.4. Chính sách ưu tiên xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển được thực hiện theo quy định của Học viện Tòa án, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Người được ưu tiên trong trường hợp này cũng phải đạt sơ tuyển như những thí sinh không được ưu tiên.

1.7.5. Học viện Tòa án không sử dụng kết quả miễn thi bài thi môn ngoại ngữ, điểm thi được bảo lưu theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT và xét công nhận tốt nghiệp THPT để tuyển sinh.

1.8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

- Phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025: Lệ phí xét tuyển thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phương thức xét kết quả học tập (xét học bạ): 50.000đ/ 01 tổ hợp đăng ký xét tuyển: Thí sinh căn cứ theo số lượng tổ hợp mà mình đủ điều kiện xét tuyển học bạ vào Học viện Tòa án để nộp lệ phí tương ứng với số tổ hợp đủ điều kiện (thí sinh nộp lệ phí theo số lượng tổ hợp mà thí sinh đủ điều kiện xét tuyển, tối đa 200.000 đồng cho 04 tổ hợp).

1.9. Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Mọi khiếu nại, thắc mắc của thí sinh được giải quyết trên nguyên tắc bình đẳng, công bằng, minh bạch đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của Tòa án nhân dân tối cao và quy định về tuyển sinh của Học viện Tòa án.

1.10. Các nội dung khác

Về việc cập nhật, bổ sung, điều chỉnh Thông tin tuyển sinh đại học: Trong trường hợp Bộ Giáo dục và Đào tạo có hướng dẫn mới về tuyển sinh đại học, Học viện Tòa án sẽ được cập nhật, bổ sung, điều chỉnh và được công bố trước khi thí sinh đăng ký xét tuyển ít nhất 15 ngày theo quy định.

1.11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

Phương thức xét tuyển	Khối ngành/ Ngành/ Nhóm ngành/ tổ hợp xét tuyển	Khu vực	Giới tính	Năm tuyển sinh -2 (2023)			Năm tuyển sinh -1 (2024)		
				Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
Khối ngành III									
Ngành Luật									
Xét tuyển dựa trên	Tổ hợp 1: Toán, Vật lý, Hóa học	Phía Bắc	Nam	155	140	21.5	155	153	23.42
			Nữ			23.75			24.49

kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT	Tổ hợp 2: Toán, Vật lý, Tiếng Anh	Phía Nam	Nam	155	151	22.00	155	154	23.75
		Nam	Nữ			23.79			24.30
		Phía Bắc	Nam			21.15			22.70
			Nữ			21.50			22.85
	Tổ hợp 3: Văn, Lịch sử, Địa lý	Phía Nam	Nam			21.35			21.05
			Nữ			21.75			21.70
		Phía Bắc	Nam			26.20			28.10
			Nữ			27.31			28.20
	Tổ hợp 4: Toán, Văn, Tiếng Anh	Phía Nam	Nam			25.00			27.67
			Nữ			26.63			27.67
		Phía Bắc	Nam			22.65			24.68
			Nữ			24.92			25.32
	Tổ hợp 1: Toán, Vật lý, Hóa học	Phía Nam	Nam			21.70			21.95
			Nữ			23.45			23.75
Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT (xét học bạ)	Tổ hợp 2: Toán, Vật lý, Tiếng Anh	Phía Bắc	Nam	155	151	26.55	155	154	26.51
			Nữ			27.04			27.29
		Phía Nam	Nam			26.10			24.80
			Nữ			27.76			28.01
	Tổ hợp 3: Văn, Lịch sử, Địa lý	Phía Bắc	Nam			25.59			25.76
			Nữ			26.45			26.67
		Phía Nam	Nam			24.97			23.88
			Nữ			26.27			26.40
	Tổ hợp 4: Toán, Văn, Tiếng Anh	Phía Bắc	Nam			25.52			26.04
			Nữ			27.44			27.60
		Phía Nam	Nam			24.50			25.20
			Nữ			27.29			27.39
	Tổ hợp 1: Toán, Vật lý, Hóa học	Phía Bắc	Nam			23.87			25.14
			Nữ			26.17			26.70
		Phía Nam	Nam			22.60			23.55
			Nữ			24.60			25.43
Xét tuyển thẳng	Xét tuyển thẳng theo quy chế của Bộ GD&ĐT				01			02	
Tổng				310	292		310	309	

2. TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐÃ CÓ BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC (liên thông đại học – đại học chính quy/ văn bằng 2 chính quy)

2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

- Là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Thí sinh đã tốt nghiệp đại học hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học của một ngành khác (trường hợp có bằng đại học nước ngoài thì phải có

xác nhận của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo);

- Thí sinh không thuộc diện đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã thực hiện xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

2.2. Phạm vi tuyển sinh

Học viện Tòa án tuyển sinh trên phạm vi toàn quốc.

2.3. Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển căn cứ kết quả học tập của văn bằng đại học đã có của thí sinh.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Chỉ tiêu tuyển sinh: 50 chỉ tiêu.

2.5. Ngưỡng đầu vào

Thí sinh đã tốt nghiệp đại học hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học của một ngành khác (trường hợp có bằng đại học nước ngoài thì phải có xác nhận của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo).

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường

- Mã trường: HTA

- Mã ngành: 7380101

- Nhóm ngành xét tuyển: 73801

2.7. Tổ chức tuyển sinh

Học viện Tòa án sẽ công bố cụ thể trên Website của Trường theo địa chỉ:

<http://hvta.toaan.gov.vn>

2.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển

Thực hiện theo Thông báo Tuyển sinh liên thông trình độ đại học đối với người đã có bằng tốt nghiệp đại học của Học viện Tòa án.

2.9. Lệ phí xét tuyển/ thi tuyển

Lệ phí xét tuyển: Thực hiện theo Thông báo Tuyển sinh liên thông trình độ đại học đối với người đã có bằng tốt nghiệp đại học của Học viện Tòa án.

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

Học phí được tính theo đơn vị tín chỉ, được nộp vào đầu mỗi học kỳ tương ứng với số tín chỉ sẽ học trong học kỳ đó (Mức học phí cụ thể được thể hiện trong Thông báo Tuyển sinh liên thông trình độ đại học đối với người đã có bằng tốt nghiệp đại học của Học viện Tòa án). Học viện Tòa án sẽ điều chỉnh

mức học phí hàng năm theo quy định của Chính phủ.

2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

Thực hiện theo Thông báo Tuyển sinh liên thông trình độ đại học đối với người đã có bằng tốt nghiệp đại học của Học viện Tòa án (trên địa chỉ: <http://hvta.toaan.gov.vn>).

2.12. Các nội dung khác (không trái với quy định hiện hành)

Chi tiết liên hệ: Phòng Đào tạo và Khảo thí, Học viện Tòa án (Phòng 108, Nhà A2 – Đường 282 xã Phú Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội), điện thoại: 02432.693.666.

Lưu ý chung: Thí sinh ngoài việc thực hiện đầy đủ theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, còn phải thực hiện theo quy định của Học viện Tòa án về tuyển sinh. Nếu thí sinh không thực hiện đầy đủ được xem là không đủ điều kiện xét tuyển và Học viện Tòa án sẽ từ chối xét tuyển.

Trên đây là Thông tin tuyển sinh năm 2025 của Học viện Tòa án. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi, bổ sung gì Học viện Tòa án sẽ báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng thời công khai trên trang thông tin điện tử của Học viện Tòa án trước khi xét tuyển. MM

Cán bộ tuyển sinh

(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ email)



ThS. Trần Văn Thân
(SĐT: 0983182000; Email: thancntt@gmail.com)

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



TS. Lê Hữu Du



PHỤ LỤC 01
CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

(Ban hành kèm theo Thông tin tuyển sinh năm 2025 của Học viện Tòa án)

1. Quy mô đào tạo đại học hệ chính quy tính đến 31/12/2024

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC			36
1	Tiến sĩ			0
1.1	Tiến sĩ chính quy			
1.2	Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài			
2	Thạc sĩ			36
2.1	Thạc sĩ chính quy			36
2.1.1	Pháp luật	838		36
2.1.1.1	Luật	8380101	Pháp luật	36
2.2	Thạc sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài			
B	ĐẠI HỌC			1200
3	Đại học chính quy			1200
3.1	Chính quy			1200
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học			
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)			1200
3.1.2.1	Pháp luật	738		1200
3.1.2.1.1	Luật	7380101	Pháp luật	1200
3.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			
3.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			
3.4	Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên			
3.5	Liên kết đào tạo với nước ngoài			
4	Đại học vừa làm vừa học			0
4.1	Vừa làm vừa học			
4.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			
4.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			
4.4	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên			
5	Từ xa			
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON			
6	Cao đẳng chính quy			
6.1	Chính quy			
6.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy			
6.3	Đào tạo chính quy đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng			



7	Cao đẳng vừa làm vừa học			
7.1	Vừa làm vừa học			
7.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng vừa làm vừa học			
7.3	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng			

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

2.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Diện tích đất: 98.077 m²;
- Số chỗ ở ký túc xá: 1680 chỗ, tổng diện tích sàn 11.125 m². Học viện có đủ chỗ ở ký túc xá cho 100% sinh viên.
- Tổng diện tích sàn xây dựng (Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu, thư viện, trung tâm học liệu, trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập): 8.809 m²:

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	85	7.619
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	02	2.419
1.2	Giảng đường từ 100 - 200 chỗ	11	1.468
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	06	452
1.4	Số phòng dưới 50 chỗ	04	155
1.5	Số phòng học đa phương tiện	0	0
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	62	3.125
2	Thư viện, trung tâm học liệu	05	575
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	05	615
	TỔNG	95	8.809

2.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính
1.	Phòng thực hành máy tính	- Tên thiết bị 1: Máy tính - Tên thiết bị 2: Máy chiếu
2.	Phòng thực hành diễn án	- Tên thiết bị 1: Bàn ghế mô phỏng phiên tòa thực tế - Tên thiết bị 2: Loa, mic

2.3. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo...sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng
1.	Khối ngành III	53956

3. Danh sách giảng viên

3.1. Danh sách giảng viên toàn thời gian

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy: tên ngành đại học
1	Dương Tuyết Miên	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Luật	Luật
2	Lê Hữu Du		Tiến sĩ	Luật	Luật
3	Nguyễn Minh Sử		Tiến sĩ	Luật	Luật
4	Nguyễn Thanh Hải		Tiến sĩ	Luật	Luật
5	Phạm Thị Hải Dịu		Tiến sĩ	Luật	Luật
6	Vũ Minh Giám		Tiến sĩ	Luật	Luật
7	Nguyễn Hữu Thành		Tiến sĩ	Luật	Luật
8	Hoàng Văn Toàn		Tiến sĩ	Luật	Luật
9	Nguyễn Hữu Hoàng		Tiến sĩ	Luật	Luật
10	Nguyễn Văn Nghĩa		Tiến sĩ	Luật	Luật
11	Đồng Thanh Quý		Tiến sĩ	Chính trị học	Luật
12	Nguyễn Thị Minh		Tiến sĩ	Tâm lý học	Luật
13	Nguyễn Thị Bích Lệ		Tiến sĩ	Triết học	Luật
14	Nguyễn Thị Kiều Trinh		Thạc sĩ	Luật	Luật
15	Ngô Thị Mai		Thạc sĩ	Luật	Luật
16	Lưu Đức Mạnh		Thạc sĩ	Kinh tế	Luật
17	Nguyễn Tử Duy		Thạc sĩ	Luật	Luật
18	Hà Hải Nam		Thạc sĩ	Luật	Luật
19	Nguyễn Khánh Linh		Thạc sĩ	Luật	Luật
20	Phạm Như Hưng		Thạc sĩ	Luật	Luật
21	Đỗ Bình Minh		Thạc sĩ	Luật	Luật
22	Đỗ Nhật Ánh		Thạc sĩ	Luật	Luật
23	Dương Thị Huế		Thạc sĩ	Triết học	Luật
24	Nguyễn Thị Tứ		Thạc sĩ	Luật	Luật
25	Nguyễn Ngọc Ánh		Thạc sĩ	Luật	Luật
26	Trịnh Thị Hạnh		Thạc sĩ	Luật	Luật

27	Nguyễn Thị Hồng Vân		Thạc sĩ	Luật	Luật
28	Hoàng Thị Ngọc		Thạc sĩ	Luật	Luật
29	Đỗ Hải Nam		Thạc sĩ	Luật	Luật
30	Nguyễn Văn Đạt		Thạc sĩ	Giáo dục học	Luật
31	Lưu Đức Điệp		Thạc sĩ	Hồ Chí Minh học	Luật
32	Lê Thị Hằng		Thạc sĩ	Luật	Luật
33	Nguyễn Anh Thư		Thạc sĩ	Luật	Luật
34	Nguyễn Văn Long		Thạc sĩ	Khoa học giáo dục	Luật
35	Đinh Thị Thu Hương		Thạc sĩ	Luật	Luật
36	Trần Thị Thuý		Đại học	Luật	Luật
37	Đào Bảo Ngọc		Đại học	Luật	Luật
38	Nguyễn Tấn Trung		Đại học	Luật	Luật
39	Nguyễn Thị Huyền		Đại học	Luật	Luật
40	Nguyễn Phương Nhi		Đại học	Luật	Luật
41	Nguyễn Xuân Cường		Đại học	Luật	Luật
42	Nguyễn Hoài Phương		Đại học	Luật	Luật

3.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy: tên ngành đại học
1	Lê Đăng Doanh		Tiến sĩ	Luật	Luật
2	Trần Lệ Thu		Tiến sĩ	Luật	Luật
3	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan		Tiến sĩ	Luật	Luật
4	Nguyễn Hải Ninh		Tiến sĩ	Luật	Luật
5	Bùi Đức Hiền		Tiến sĩ	Luật	Luật
6	Phạm Thị Bích Phượng		Tiến sĩ	Luật	Luật
7	Nguyễn Thị Hương		Tiến sĩ	Luật	Luật
8	Nguyễn Thị Việt Hương		Tiến sĩ	Luật	Luật
9	Hoàng Văn Thành		Tiến sĩ	Luật	Luật
10	Nguyễn Hòa Bình		Tiến sĩ	Luật	Luật
11	Mai Thanh Hiếu		Tiến sĩ	Luật	Luật
12	Nguyễn Thị Yến		Tiến sĩ	Luật	Luật
13	Nguyễn Văn Điệp		Tiến sĩ	Luật	Luật
14	Bùi Minh Hồng		Tiến sĩ	Luật	Luật
15	Nguyễn Ngọc Bích		Tiến sĩ	Luật	Luật

16	Lê Đăng Khoa		Tiến sĩ	Luật	Luật
17	Trương Công Lý		Tiến sĩ	Luật	Luật
18	Trần Phương Thảo		Tiến sĩ	Luật	Luật
19	Nguyễn Phương Lan		Tiến sĩ	Luật	Luật
20	Hoàng Thị Loan		Tiến sĩ	Luật	Luật
21	Đặng Thị Lệ Thu		Tiến sĩ	Luật	Luật
22	Phùng Thị Yến		Tiến sĩ	Luật	Luật
23	Lê Quỳnh Mai		Thạc sĩ	Luật	Luật
24	Hà Thị Út		Thạc sĩ	Luật	Luật
25	Mai Thị Tình		Thạc sĩ	Luật	Luật
26	Lê Đình Quyết		Thạc sĩ	Luật	Luật
27	Trần Thị Minh		Thạc sĩ	Luật	Luật
28	Nguyễn Mai Anh		Thạc sĩ	Luật	Luật
29	Hoàng Lan Phương		Thạc sĩ	Luật	Luật
30	Trần Phương Anh		Thạc sĩ	Luật	Luật
31	Nguyễn Thị Lan Hương		Thạc sĩ	Luật	Luật
32	Phạm Minh Huyền		Thạc sĩ	Luật	Luật
33	Đỗ Thị Mai Thu		Thạc sĩ	Luật	Luật
34	Nguyễn Thùy Linh		Thạc sĩ	Luật	Luật
35	Đào Phương Thanh		Thạc sĩ	Luật	Luật
36	Nguyễn Thị Quỳnh Trang		Thạc sĩ	Luật	Luật
37	Ngô Thanh Thủy		Thạc sĩ	Luật	Luật
38	Phạm Minh Huyền		Thạc sĩ	Luật	Luật
39	Lê Thị Thúy Nga		Thạc sĩ	Luật	Luật
40	Trần Thị Hải		Thạc sĩ	Luật	Luật
41	Lưu Hải Yến		Thạc sĩ	Luật	Luật
42	Hà Thị Hoa Phương		Thạc sĩ	Luật	Luật
43	Nguyễn Quang Hoà		Thạc sĩ	Luật	Luật
44	Nguyễn Phúc Thành		Thạc sĩ	Luật	Luật
45	Nguyễn Việt Khánh Hòa		Thạc sĩ	Luật	Luật
46	Nguyễn Thị Hoài		Thạc sĩ	Luật	Luật
47	Nguyễn Trí Tuyền		Thạc sĩ	Luật	Luật
48	Phương Thảo		Thạc sĩ	Luật	Luật
49	Ngô Trọng Quân		Thạc sĩ	Luật	Luật
50	Lê Thị Hải Yến		Thạc sĩ	Luật	Luật